TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/DS-PT
Ngày: 14/12/2023
V/v tranh chấp thừa kế về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TB-TLVA ngày 16 tháng 02 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D; cư trú tại: Số G T, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Võ Trung T; cư trú tại: Phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2022). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; cư trú tại: Số G T, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bà Q: Ông Lê Quốc L; cư trú tại: Khu V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 23/5/2022). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1947; cư trú tại: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; cư trú tại: Số G, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có đơn xin vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; cư trú tại: Số H V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; cư trú tại: Số H V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường B: Ông Đoàn Văn T1; Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 19/4/2021). Có đơn xin vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã A: Ông Lê Minh T2 – Phó Trưởng Phòng phụ trách phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2023); Có đơn xin vắng mặt.

7. Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ban Q1 đất thị xã A: Ông Lê Quang T3 - Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã Q1 (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021)). Vắng mặt.

8. Ngân hàng Đ2 - Chi nhánh P; địa chỉ trụ sở: Số C L, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đ2 - Chi nhánh P: Bà Hồ Trịnh Thanh H2 - Phó giám đốc phòng G là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023). Có mặt

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Q là bị đơn và Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn H3 (chết năm 1995) và cụ Lê Thị Đ (chết năm 2011) sinh được 04 người con: Ông Nguyễn Văn Đ1 (chết lúc nhỏ), bà Nguyễn Thị L1, bà, bà Nguyễn Thị Q và 01 người con nuôi tên Nguyễn Văn H. Cha, mẹ bà được ông bà nội cho thửa đất diện tích khoảng 700m^2, cha mẹ tự bỏ tiền ra xây dựng nhà và được Nhà nước giao sử dụng 02 thửa ruộng, gồm: Thửa ruộng tục danh Đám Hầm, diện tích 2,4 sào và 01 thửa ruộng tục danh Ô cải tạo, diện tích 1,6 sào. Các thửa đất đều tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A. Năm 1996, UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng Nguyễn Hạ . Năm 2015, UBND thị xã A giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư Kim Châu tài sản của cha mẹ bà bị thu hồi và được hỗ trợ, bồi thường.

Tài sản của cha mẹ bà còn lại đang tranh chấp, gồm: Diện tích đất còn lại không bị thu hồi của thửa đất số 376 là 79m^2; 02 lô đất số 18 và 19, khu A12 diện tích mỗi lô là 102m^2, Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tháng 4/2020, bà đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước tổng cộng là 332.376.000đ và 02 lô đất nêu trên đã được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05796 (lô số 18) và GH05797 (lô số 19) cùng ngày 08/5/2020 và Số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Ngân hàng Đ2-Chi nhánh P là 269.520.000đ, sổ tiết kiệm tiền gửi do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A cất giữ. Đối với số tiền 168.602.880đ, hỗ trợ bồi thường thửa ruộng tục danh Đám Hầm, các chị em bà đã thỏa thuận phân chia xong, bà không yêu cầu giải quyết.

Cụ Nguyễn Hạ c không để lại di chúc. Ngày 27/01/2010, cụ Lê Thị Đ lập di chúc để lại phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của cụ và cụ H3 cho bà thừa kế. Bà yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của bà theo di chúc của cụ Lê Thị Đ. Di sản của cụ H3, bà yêu cầu chia theo pháp luật. Bà xin nhận bằng hiện vật. Đồng thời yêu cầu bà Q, bà L1 và ông H chia phần hoàn trả cho bà số tiền 332.376.000đ mà bà đã nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất nêu trên.

Đối với quyền sử dụng đất ruộng của bà Nguyễn Thị V: Bà Nguyễn Thị V là vợ trước của ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1 là con của bà V và ông H. Năm 1993, bà V và anh H1 sinh sống tại nhà cụ Nguyễn H3 nên được giao sử dụng bổ sung thửa ruộng có tục danh Ô Cải T4. Năm 1994, bà V, ông H tự chấm dứt quan hệ vợ chồng. Bà V dẫn anh H1 về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cụ Nguyễn H3 và cha của bà V là cụ Nguyễn L2 đã thống nhất cho bà V sử dụng thửa ruộng Ô Cải T4 để nuôi anh H1. Các thành viên trong gia đình bà không ai có ý kiến gì. Bà thống nhất chia thửa ruộng cho bà V và anh H1 được tiếp tục sử dụng theo như sự phân chia của cụ Nguyễn H3 khi còn sống.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về mối quan hệ gia đình và di sản thừa kế còn lại đang tranh chấp. Cụ Nguyễn H3 (chết năm 1999) và cụ Lê Thị Đ (chết ngày 04/12/2010AL), không để lại di chúc. Di chúc của cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 do bà D cung cấp là không hợp pháp, vì thời điểm lập di chúc cụ Đ bị tai

biến nặng, nằm một chỗ, không nhận thức được nên không thể đến UBND thị trấn làm di chúc. Hơn nữa, bà trực tiếp chăm sóc cho cụ Đ, nhưng không nghe cụ Đ nói gì về việc đã lập di chúc. Bà yêu cầu hủy bản di chúc. Di sản của cha mẹ để lại bà yêu cầu chia theo pháp luật, phần của bà xin nhận bằng hiện vật.

Đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính để làm Giấy chứng nhận quyền sử sử dụng 02 lô đất số 18, 19 mà bà D đã nộp. Bà yêu cầu giao số tiền gửi tiết kiệm mở tại ngân hàng B trả cho bà D để cấn trừ, nếu thiếu thì chia đều cho bà, bà L1 và ông H trả cho bà D.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1 bà thống nhất như trình bày của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và việc chia ruộng cho bà Nguyễn Thị V. Về di sản thừa kế còn lại đang tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế, bà thống nhất theo ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và di sản của cụ Nguyễn H3, cụ Lê Thị Đ cong lại đang tranh chấp và thống nhất chia thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo cho bà V, anh H1 được tiếp tục sử dụng. Về yêu cầu chia thừa kế ông thống nhất như đề nghị của bị đơn. Ông yêu cầu nhận phần diện tích đất 79m^2 đất ở không bị giải tỏa để làm nhà từ đường, thờ cúng cha mẹ. Nếu giá trị đất nhiều hơn kỷ phần ông được chia thì ông sẽ thối lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Nếu giá trị thấp hơn kỷ phần ông được chia thì ông không yêu cầu các đồng thừa kế khác thanh toán lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà là vợ trước của ông Nguyễn Văn H. Bà và ông H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, về sống chung với nhau từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 1993, bà và con trai (anh Nguyễn Văn H1) được giao quyền sử dụng thửa ruộng tục danh là Ô Cải T4, diện tích 1,6 sào tại tổ E, khu vực K, thị trấn B (phường B), cấp chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn H3 đứng tên. Năm 1994, bà và ông H chấm dứt cuộc sống chung, bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cha của bà (cụ Nguyễn L2) và cụ Nguyễn H3 đã thỏa thuận chia thửa ruộng tục danh nói trên cho mẹ con bà sử dụng và gia đình cụ H3 không ai có ý kiến gì. Nay bà xin được nhận thửa ruộng để mẹ con bà trọn quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh là con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V. Anh thống nhất như lời trình bày của mẹ là bà Nguyễn Thị V.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, ông Đoàn Văn T1 trình bày:

Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ do ông Nguyễn Đình K nguyên là Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường B trực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và tham mưu ông

Bùi Bá K1 - Nguyên Chủ tịch UBND phường B chứng thực. Đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của ông K và ông K1 để xem xét, giải quyết. Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ do UBND thị trấn B (nay là phường B) chứng thực số 03, Quyển số 01/2010 ngày 27/01/2010 đang lưu trữ tại UBND phường theo quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. Hình thức Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ bằng văn bản đánh máy, có hai người làm chứng, người lập di chúc điểm chỉ vào Bản di chúc, những người làm chứng xác nhận và ký vào Bản di chúc là không trái quy định của pháp luật. Nội dung Bản di chúc là cụ Lê Thị Đ để lại phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái là Nguyễn Thị D nên không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã A, ông Lê Minh T2 trình bày:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996, thì UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp cho hộ cụ Nguyễn H3 gồm 03 thửa đất: Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181m^2, loại đất ở; thửa đất số 92, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.163m^2 loại đất lúa và thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, diện tích 896m^2 loại đất lúa. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1993, thửa đất 377, tờ bản đồ số 5, diện tích 138m^2, loại đất T cụ Nguyễn Hạ kê k đăng ký sử dụng, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng công trình: Nâng cấp mở rộng đường L, khu vực K, phường B thì diện tích đo đạc thực tế của hộ cụ Nguyễn H3 đang sử dụng 383m^2, bị thu hồi và hỗ trợ bồi thường 304,4m^2 (đất ở 200m^2 và đất vườn 64,4m^2) tại 02 thửa đất 376 và 377, diện tích đất còn lại của hộ cụ Nguyễn H3 là 79m^2 đất ở thuộc thửa đất số 376.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã A, ông Lê Quang T5 trình bày:

Tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng Khu quy hoạch dân cư Tổ 5 K (đợt 2), hộ ông Nguyễn H3 bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 5 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 92), diện tích bị ảnh hưởng 1.145,5m^2 loại đất LUC, đất hạng 2, tổng số tiền nhận là 168.602.880đ. Tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng Khu quy hoạch dân cư Tổ 5 K (đợt 4) và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMT và tái định cư điều chỉnh, bổ sung phương án thực hiện đợt 04 tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 (đợt 10), thửa 376 được bồi thường 102m^2 đất ở, diện tích đất còn lại 79m^2 là đất ở; thửa 377 được bồi thường 138m^2 đất ở, diện tích còn lại được bồi thường là đất vườn. Số tiền bồi thường 02 đợt là 269.520.000đ. Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đã thống nhất và thỏa thuận gửi vào Ngân hàng B, Chi nhánh P. Hiện Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thị xã A đang cất giữ sổ tiết kiệm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ2 - Chi nhánh P, bà Hồ Trịnh Thanh H2 trình bày:

Ngày 06/6/2016, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng B, Chi nhánh P, số sổ AAB1211186, số tài khoản: 58110001569758 với số tiền gửi 269.520.000đ, trả lãi theo phương thức lãi nhập gốc và quay vòng nếu khách hàng không có yêu cầu khác. Số dư tài khoản tiền gửi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Xác định Di chúc cụ Lê Thị Đ lập ngày 24/01/2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, Quyển số 01/2010 ngày 27/01/2010 là hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày 08/01/2011.

Xác định di sản của cụ Lê Thị Đ, cụ Nguyễn H3 hiện còn có tranh chấp phân chia gồm: Phần đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 79m^2; Lô đất số 18 (khu A) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2; Lô đất số 19 (khu A) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2 đều tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A; số tiền gửi tại Ngân hàng Đ2, Chi nhánh P, gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đ do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu.

Xác định nghĩa vụ tài chính bà Nguyễn Thị D đã thực hiện đối với 02 thửa đất số 969 và thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17 là 332.376.000đ.

Xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Hạ g: Cụ Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H; người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Đ gồm: Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H.

Chia cho bà Nguyễn Thị D quyền sử dụng:

Phần diện tích 79m^2 đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 thuộc khu V, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2, loại đất ở thuộc khu vực K, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05796 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Giao cho bà Nguyễn Thị D sở hữu số tiền gửi tại Ngân hàng Đ2, Chi nhánh P tại Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06/6/2016 do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là

339.077.476đ và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị D thực hiện việc rút tiền.

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn H sở hữu số tiền 98.138.053đ.

Chia cho bà Nguyễn Thị Q quyền sử dụng Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2, loại đất ở thuộc khu vực K, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05797 ngày 08/5/2020 của UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị L1 sở hữu số tiền 576.712.685đ; giao cho cho ông Nguyễn Văn H sở hữu số tiền 478.574.631đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H giao quyền sử dụng thửa đất số 181b(tục danh Ô cải tạo thuộc), tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 901,1m^2 tại khu vực K, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996 được UBND huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 cho bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1 (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

Bác yêu cầu hủy Di chúc do cụ Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, Quyển số 01/2010 ngày 27/01/2010 của bị đơn bà Nguyễn Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07/3/2022, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy di chúc do bà Lê Thị Đ lập ngày 27/01/2010 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật.

Ngày 22/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm và ban hành bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT

Ngày 04/01/2023 Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 01/2023/DS-GĐT hủy bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT ngày 22/6/2022, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Q và bà L1, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của các bên đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã A ông Lê Minh T2, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường B ông Đoàn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển thị xã Q1 ông Lê Quang T3, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do . Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét tính hợp pháp của di chúc: Di chúc của cụ Đ lập ngày 27/01/2010 có hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn X và bà Ngô Thị Xuân H4, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, chứng thực số 03, quyển số 01/2010 ngày 27/01/2010. Bà Q cho rằng di chúc nêu trên là không hợp pháp vì lúc này cụ Đ không còn minh mẫn. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Đình K (nguyên Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường B) xác nhận: Ngày 27/10/2010, bà Nguyễn Thị D cầm Giấy phân chia nhà đất do cụ Lê Thị Đ lập đến UBND thị trấn B đề nghị chứng thực, nhưng ông đề nghị bà D đưa cụ Đ đến trụ sở UBND thị trấn để làm thủ tục lập di chúc theo quy định. Bà D cho biết cụ Đ không đi lại được nên ông báo cáo lại sự việc cho Chủ tịch UBND thị trấn và Chủ tịch đã cử ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T6 đến nhà hướng dẫn cụ Đ lập di chúc. Tại đây, ông thấy cụ Đ hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn, trả lời toàn bộ câu hỏi của ông, ý chí và nguyện vọng của cụ Đ để lại tài sản cho bà D rất rõ ràng. Ông đã thông qua nội dung di chúc cho cụ Đ nghe dưới sự chứng kiến của ông X và bà H4. Cụ được thống nhất toàn bộ nội dung di chúc rồi điểm chỉ vào bản di chúc, sau đó hai người làm chứng là ông X và bà H4 ký lại mục làm chứng, bà D ký vào Bản di chúc. Sau khi các bên điểm chỉ và ký vào Bản di chúc, ông đem về trình chủ tịch UBND thị trấn B là ông Bùi Bá K1 chứng thực vào bản di chúc. Nội dung nêu trên cũng được ông Bùi Quang K2 xác nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định di chúc cụ Đ lập ngày 27/01/2010, do cụ Đ điểm chỉ và được lập thành văn bản theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật dân sự quy định; tại thời điểm lập di chúc cụ Đ minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; hình thức của di chúc đúng theo quy định của pháp luật, nội dung của di chúc không trái pháp luật và đạo đức, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của người để lại di sản thừa kế. Như vậy, theo quy định tại các Điều 646, 647, 648 ,649, 650 và 652 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì Bản di chúc ngày 27/01/2010 do cụ Lê Thị Đ điểm chỉ có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Lê Quốc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 đều thừa nhận di chúc nói trên là hợp pháp.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Đ lập ngày 27/01/2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, quyển số 01/2010 ngày 27/10/2010 hợp pháp là có căn cứ.

[2.2] Cụ H3 chết ngày 24/01/1995, những người hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H3 gồm: Cụ Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn H; cụ Đ chết ngày 08/01/2011, những người hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Đ gồm: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn H.

[2.3] Về tài sản của cụ Nguyễn H3, cụ Lê Thị Đ: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ 19 ngày 13/01/1996 do huyện A (nay là thị xã A) cấp cho hộ cụ Nguyễn H3 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181m^2, loại đất ở; thửa đất số 92, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.163m2, loại đất lúa và thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, diện tích 896m2, loại đất lúa, đều tọa lạc tại khu vực K, phường B. Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 1983, cụ Nguyễn H3 và cụ Lê Thị Đ sử dụng thửa đất số 304, tờ bản đồ số 3, diện tích 570m2. Năm 1993, thửa đất số 304 được tách thành 04 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181m2 đất ở, được UBND huyện A (nay là thị xã A) giao quyền sử dụng cho hộ cụ Nguyễn H3; thửa đất số 377, tờ bản đồ số 5, diện tích 138m, loại đất T cụ Nguyễn Hạ kê k đăng ký sử dụng, nhưng chưa được giao quyền sử dụng đất; thửa đất số 304, tờ bản đồ số 5, diện tích 133m đất ở được UBND huyện A (nay là thị xã A) giao quyền sử dụng hộ bà Nguyễn Thị Q và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 5, diện tích 88m, do hộ bà Nguyễn Thị Q kê khai đăng ký sử dụng, nhưng chưa được giao quyền sử dụng đất.

[2.4] Năm 2014, Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng công trình: Nâng cấp mở rộng đường L, khu vực K, phường B thì diện tích đo đạc thực tế của hộ cụ Nguyễn H3 (vợ cụ Lê Thị Đ) đang sử dụng 383m^2, bị thu hồi và hỗ trợ bồi thường diện tích 304,4m^2 (đất ở 200m^2 và đất vườn 64,4m3) tại 02 thửa đất 376 và 377. Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm những người thuộc hàng thừa kế của cụ H3 và cụ Đ đều thống nhất tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn H3, cụ Lê Thị Đ hiện còn có tranh chấp phân chia thừa kế gồm: Phần đất ở còn lại của thửa đất số 376, theo đo đạc thực tế là 79m^2; 02 lô đất tái định cư: Lô đất số 18 (khu A) thuộc thửa đất số 969, diện tích đo đạc thực tế 102m^2 và Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, diện tích đo đạc thực tế 102m^2. Riêng số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Ngân hàng Đ2, Chi nhánh P là 269.520.000 đồng, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476 đồng các bên thống nhất trả tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 02 lô đất số 18 và số 19 là 332.376.000đồng cho bà Nguyễn Thị D. Thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8 các bên đương sự thống nhất như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[2.5] Theo biên bản định giá tài sản ngày 20/12/2021, giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp được xác định:

- Thửa đất số 376 có diện tích: 79m x 17.000.000đ/m^2 = 1.343.000.000đ;

- Lô số 18, thửa đất số 969: 102m^2 x 16.000.000đ/m^2 = 1.632.000.000đ;

- Lô số 19, thửa đất số 970: 102m^2 x 16.000.000đ/m^2 = 1.632.000.000đ;

Tổng giá trị tài sản của cụ H3 cụ Đ các đồng thừa kế yêu cầu chia là 1.343.000.000đ + 1.632.000.000đ + 1.632.000.000đ = 4.607.000.000đồng.

[2.6] Phần di sản của cụ H3 là 2.303.500.000đồng và phần di sản của cụ Lê Thị Đ là 2.303.500.000đồng.

[2.7] Theo nội dung di chúc ngày 27/01/2010 thì cụ Đ để lại một phần tài sản là một phần ngôi nhà và một phần thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181m^2 cho bà D được sở hữu, sử dụng. Thửa đất 376 bị thu hồi một phần diện tích cùng với diện tích thu hồi của thửa đất số 377, tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 5 nên được cấp lại 02 lô đất số 18 và lô đất số 19, do đó bà D chỉ được hưởng thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 367; di sản còn lại được chia đều cho hàng thừa kế của cụ H3 và cụ Đ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, bà D được hưởng ½ giá trị tài sản theo nội dụng di chúc của cụ Đ là 2.303.500.000đồng : 2 = 1.151.750.000 đồng.

[2.8] Cụ Nguyễn Hạ c không để lại di chúc nên phần di sản cụ H3 được chia theo quy định của pháp luật. Những người thừa kế của cụ H3 gồm: Cụ Được, Bà L1, bà D, bà Q và ông H, mỗi người được hưởng kỳ phần ngang nhau là: 2.303.500.000đồng : 5 = 460.700.000 đồng.

½ di sản của cụ Đ không định đoạt trong di chúc và kỷ phần di sản của cụ Đ được hưởng thừa kế của cụ H3 không được chia theo quy định của pháp luật. Những người thừa kế của cụ Đ gồm: Bà L1, bà D, bà Q và ông H, mỗi người được hưởng kỳ phần ngang nhau: (1.151.750.000 đồng + 460.700.000 đồng) : 4 = 403.112.500 đồng.

Như vậy, kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng như sau: Bà D là 1.151.750.000 đồng + 460.700.000 đồng + 403.112.500 đồng = 2.015.562.500 đồng; bà L1, bà Q và ông H, mỗi người được hưởng là 460.700.000 đồng + 403.112.500 đồng = 863.812.500 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn xin nhân hiện vật, bà L1 và ông H xin nhận giá trị là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[2.9] Chia cho bà D được quyền sử dụng phần diện tích đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 79m^2 và Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế là 102m^2 (trị giá: 1.343.000.000đồng + 1.632.000.000đ = 2.975.000.000đồng. Như vậy, bà D nhận tài sản nhiều hơn kỷ phần thừa kế bà được nhận là 2.975.000.000đồng - 2.015.562.500 đồng = 959.437.500 đồng. Bà D có trách nhiệm giao lại cho ông H số tiền thừa là 863.812.500 đồng và bà L1 95.625.000 đồng.

[2.10] Chia cho bà Q được quyền sử dụng lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2 (trị giá 1.632.000.000đồng) trong khi đó phần bà Q được hưởng thừa kế là 863.812.500 đồng, nên bà Q có trách nhiệm giao lại cho bà L1 số tiền 768.187.500 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Chi phí tố tụng và án phí:

[4.1]Chi phí đo đạc định giá 5.000.000đồng (năm triệu đồng), tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D, bà Q và bà L1 được miễn chịu án phí vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông H phải chịu án phí trên tổng tài sản được hưởng là: 37.914.375 đồng

[4.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Q và bà L1, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều các Điều 646, 647, 648, 649, 653, 656, 658 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 649, 650, 651, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Xác định Di chúc cụ Lê Thị Đ lập ngày 24/01/2010 là hợp pháp.

3. Xác định di sản của cụ Lê Thị Đ, cụ Nguyễn H3 để lại gồm: Phần đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 79m^2; lô đất số 18 (khu A) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2; lô đất số 19 (khu A) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2. Tất cả đều tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Số tiền gửi tại Ngân hàng Đ2, chi nhánh P, gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476đồng do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị D sử dụng và sở hữu các tài sản tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định gồm:

- 79m^2 đất ở thuộc thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 đã được UBND huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định cấp quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn H3 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/19 ngày 13/01/1996 (có sơ đồ đo vẽ của cấp sơ thẩm kèm theo);

- Lô đất số 18 (khu A) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2, loại đất ở đã được UBND thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào số GCN: GH05796 ngày 08/5/2020 (có sơ đồ đo vẽ của cấp sơ thẩm kèm theo);

- Số tiền gửi tại Ngân hàng Đ2 - Chi nhánh P tại Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06/6/2016 do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022 là 339.077.476 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/3/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị D thực hiện việc rút tiền.

5. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao lại kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn H sở hữu số tiền 863.812.500 đồng (tám trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mươi hai nghìn năm trăm đồng) và phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị L1 sở hữu số tiền 95.625.000 đồng (chín mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Chia cho bà Nguyễn Thị Q được quyền sử dụng lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102m^2, loại đất ở. Bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ giao lại phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị L1 sở hữu số tiền 768.187.500 đồng (bảy trăm sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) (có sơ đồ đo vẽ của cấp sơ thẩm kèm theo).

7. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H là giao cho bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H1 trọn quyền sử dụng thửa đất số 181b (tục danh Ô cải tạo thuộc), tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 901,1m^2 tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDĐ/I9 ngày 13/01/1996 (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về án phí và chi phí tố tụng:

9.1. Chi phí định giá tài sản 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu, bà D đã nộp xong.

9.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị L1 được miễn. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 37.914.375 đồng. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000đồng. Bà Nguyễn Thị V được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu tiền số 0004838 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

9.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005155 ngày 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

10. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

10.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

10.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thắm